

THỰC HIỆN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VÀ ĐẤU TRANH KHẲNG ĐỊNH CHỦ QUYỀN VIỆT NAM TRÊN BIỂN ĐÔNG VÀ HAI QUẦN ĐẢO HOÀNG SA, TRƯỜNG SA (1975-2020)

TRƯỜNG MINH DỤC*

1. Đặt vấn đề

Chủ quyền và sự toàn vẹn lãnh thổ của mỗi quốc gia là vấn đề thiêng liêng và bất khả xâm phạm. Thể hiện tinh thần đó, Quốc hội đầu tiên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (khoá I) đã khẳng định: “Chủ quyền của nước Việt Nam độc lập thuộc về toàn thể dân Việt Nam. Vận mệnh quốc gia Việt Nam là ở trong tay Quốc hội Việt Nam, chính thể của nước Việt Nam là chính thể dân chủ cộng hòa, có nhiệm vụ bảo vệ tự do và mưu đồ hạnh phúc cho mọi tầng lớp nhân dân.

Quốc hội Việt Nam kiên quyết bảo vệ đến cùng nền độc lập và lãnh thổ của quốc gia và quyền tự do của nhân dân Việt Nam” (1).

Biển, đảo Việt Nam nói chung, hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa nói riêng là một bộ phận lãnh thổ cấu thành chủ quyền thiêng liêng của Tổ quốc. Do đó, nhiệm vụ thực hiện quản lý Nhà nước, thực thi chủ quyền và đấu tranh để khẳng định và bảo vệ chủ quyền biển, đảo là một nhiệm vụ rất quan trọng, nhưng lại hết sức nặng nề. Nhiệm vụ này đòi hỏi một mặt, phải thường xuyên quán triệt và nắm vững các quan điểm, tư tưởng của Đảng, tổ chức triển khai thực hiện chủ động, sáng tạo trong thực tiễn ở mọi cấp, mọi

ngành và toàn dân. Mặt khác, cần phải chú trọng phát huy sức mạnh tổng hợp đấu tranh để khẳng định và bảo vệ chủ quyền biển, đảo trong giai đoạn cách mạng mới. Bài viết này trình bày quá trình Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa (XHCN) Việt Nam thực hiện chức năng quản lý Nhà nước và tổ chức bảo vệ chủ quyền quốc gia đối với biển đảo nói chung và hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa nói riêng từ năm 1975 đến năm 2020.

2. Việt Nam khẳng định và thực thi chủ quyền đối với biển đảo và hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa

Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam dưới sự lãnh đạo đúng đắn, tài tình và sáng suốt của Đảng Cộng sản Việt Nam đã mở ra một trang sử mới trong lịch sử phát triển của dân tộc Việt Nam: Non sông thu về một mối, cả nước thống nhất cùng đi lên chủ nghĩa xã hội. Đảng, Nhà nước và toàn thể nhân dân Việt Nam không ngừng đấu tranh để khẳng định và bảo vệ chủ quyền biển đảo và hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa trên nhiều phương diện.

Ngày 2-7-1976, Việt Nam thống nhất về mặt nhà nước dưới tên gọi mới Cộng hòa XHCN Việt Nam. Cũng từ đó, Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam đã thực hiện

*PGS.TS. Học viện chính trị khu vực III

chức năng quản lý Nhà nước nhằm tiếp tục khẳng định, duy trì và bảo vệ chủ quyền Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Ngày 12-5-1977, Chính phủ nước Cộng hòa XHCN Việt Nam ra Tuyên bố về lãnh hải, vùng tiếp giáp, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của Việt Nam, xác nhận lãnh hải rộng 12 hải lý, vùng tiếp giáp rộng 12 hải lý, vùng đặc quyền kinh tế rộng 200 hải lý và khẳng định hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa thuộc chủ quyền Việt Nam. Tuyên bố khẳng định chủ quyền vốn có từ lâu đời của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Tuyên bố nêu rõ: “Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, sau khi được Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam chuẩn y, Tuyên bố quy định các vùng biển và thềm lục địa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam như sau:

1. Lãnh hải của nước Cộng hòa XHCN Việt Nam rộng 12 hải lý, ở phía ngoài đường cơ sở nối liền các điểm nhô ra nhất của bờ biển và các điểm ngoài cùng của các đảo ven bờ của Việt Nam tính từ ngấn nước thủy triều thấp nhất trở ra. Vùng biển ở phía trong đường cơ sở và giáp với bờ biển là nội thủy của nước Cộng hòa XHCN Việt Nam.

Nước Cộng hòa XHCN Việt Nam thực hiện chủ quyền đầy đủ và toàn vẹn đối với lãnh hải của mình cũng như đối với vùng trời, đáy biển và lòng đất dưới đáy biển của lãnh hải.

2. Vùng tiếp giáp lãnh hải của nước Cộng hòa XHCN Việt Nam là vùng biển tiếp liền phía ngoài lãnh hải Việt Nam có chiều rộng là 12 hải lý hợp với lãnh hải Việt Nam thành một vùng biển rộng 24 hải lý kể từ đường cơ sở dùng để tính chiều rộng của lãnh hải Việt Nam.

Chính phủ nước Cộng hòa XHCN Việt Nam thực hiện sự kiểm soát cần thiết trong vùng tiếp giáp lãnh hải của mình, nhằm bảo vệ an ninh, bảo vệ các quyền lợi về hải quan, thuế khóa, đảm bảo sự tôn trọng các quy định về y tế, về di cư, nhập cư trên lãnh thổ hoặc trong lãnh hải Việt Nam.

3. Vùng đặc quyền kinh tế của nước Cộng hòa XHCN Việt Nam tiếp liền lãnh hải Việt Nam và hợp với lãnh hải Việt Nam thành một vùng biển rộng 200 hải lý kể từ đường cơ sở dùng để tính chiều rộng lãnh hải Việt Nam.

Nước Cộng hòa XHCN Việt Nam có chủ quyền hoàn toàn về việc thăm dò, khai thác, bảo vệ và quản lý tất cả các tài nguyên thiên nhiên, sinh vật và không sinh vật ở vùng nước, ở đáy biển và trong lòng đất dưới đáy biển của vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam; có quyền và thẩm quyền riêng biệt về các hoạt động khác phục vụ cho việc thăm dò và khai thác vùng đặc quyền kinh tế nhằm mục đích kinh tế, có thẩm quyền riêng biệt về nghiên cứu khoa học trong vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam. Nước Cộng hòa XHCN Việt Nam có thẩm quyền bảo vệ môi trường, chống ô nhiễm trong vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam.

4. Thềm lục địa của nước Cộng hòa XHCN Việt Nam bao gồm đáy biển và vùng đất dưới đáy biển thuộc phần kéo dài tự nhiên của lục địa Việt Nam mở rộng ra ngoài lãnh hải Việt Nam cho đến bờ ngoài của rìa lục địa; nơi nào bờ ngoài của rìa lục địa cách đường cơ sở dùng để tính chiều rộng lãnh hải Việt Nam không đến 200 hải lý thì thềm lục địa nơi ấy mở rộng ra 200 hải lý kể từ đường cơ sở đó. Nước Cộng hòa XHCN Việt Nam có chủ quyền hoàn toàn về mặt thăm dò, khai thác, bảo vệ và quản lý tất cả các tài nguyên thiên nhiên ở thềm lục địa Việt Nam bao gồm tài nguyên khoáng sản, tài nguyên không sinh vật và tài

nguyên sinh vật thuộc loại định cư ở thêm lục địa Việt Nam.

5. Các đảo và quần đảo thuộc lãnh thổ Việt Nam ở ngoài vùng lãnh hải nói ở Điều 1 đều có lãnh hải, vùng tiếp giáp, vùng đặc quyền kinh tế và thêm lục địa riêng như đã quy định trong các Điều 1, 2, 3 và 4 của Tuyên bố này.

6. Xuất phát từ các nguyên tắc của Tuyên bố này, các vấn đề cụ thể liên quan tới lãnh hải, vùng tiếp giáp, vùng đặc quyền kinh tế và thêm lục địa của nước Cộng hòa XHCN Việt Nam sẽ được quy định chi tiết thêm trên cơ sở bảo vệ chủ quyền và lợi ích của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và phù hợp với luật pháp và tập quán quốc tế.

7. Chính phủ nước Cộng hòa XHCN Việt Nam sẽ cùng các nước liên quan, thông qua thương lượng trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền của nhau, phù hợp với luật pháp và tập quán quốc tế, giải quyết các vấn đề về các vùng biển và thêm lục địa của mỗi bên” (2).

Tiếp đến, ngày 12-11-1982, Việt Nam ra Tuyên bố về đường cơ sở dùng để tính chiều rộng lãnh hải Việt Nam. Đây là những cơ sở pháp lý quan trọng cho công cuộc bảo vệ chủ quyền biển đảo về lâu dài.

Ngày 19-12-1982, Hội đồng Bộ trưởng nước Cộng hòa XHCN Việt Nam ra Quyết định số 193-HĐBT và Quyết định số 194-HĐBT về tổ chức hành chính đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Theo Quyết định số 193-HĐBT, ngày 19-12-1982, thành lập huyện Trường Sa bao gồm toàn bộ quần đảo Trường Sa trực thuộc tỉnh Đồng Nai (cho đến thời điểm này, quần đảo Trường Sa là một bộ phận của huyện Đất Đỏ, tỉnh Đồng Nai).

Theo Quyết định số 194 - HĐBT ngày 19-12-1982, thành lập huyện đảo Hoàng Sa (bao gồm toàn bộ quần đảo Hoàng Sa) trực thuộc tỉnh Quảng Nam Đà Nẵng (trước đó,

quần đảo Hoàng Sa là bộ phận của huyện Hòa Vang, tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng).

Ngày 28-12-1982, Quốc hội khóa VII nước Cộng hòa XHCN Việt Nam, trong phiên họp thứ tư ra Nghị quyết sáp nhập huyện đảo Trường Sa vào tỉnh Phú Khánh. Ngày 30-6-1989, tỉnh Khánh Hòa và Phú Yên được tái lập trên cơ sở chia tách tỉnh Phú Khánh, huyện Trường Sa thuộc tỉnh Khánh Hòa.

Ngày 6-11-1996, Quốc hội khóa IX nước Cộng hòa XHCN Việt Nam, tại kỳ họp thứ năm, ra Nghị quyết tách tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng thành hai đơn vị hành chính trực thuộc Trung ương là tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng. Từ ngày 01-01-1997, theo Nghị quyết kỳ họp thứ 10 Quốc hội khóa IX, Thành phố Đà Nẵng chính thức trở thành thành phố trực thuộc Trung ương. Huyện đảo Hoàng Sa là đơn vị hành chính trực thuộc thành phố Đà Nẵng.

Ngày 23-6-2004, Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam, tại kỳ họp thứ năm khóa XI đã phê chuẩn Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982 và khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa và chủ trương giải quyết các bất đồng liên quan đến Biển Đông thông qua thương lượng hòa bình, trên tinh thần bình đẳng, hiểu biết và tôn trọng lẫn nhau, tôn trọng pháp luật quốc tế, đặc biệt là Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982. Trong khi nỗ lực thúc đẩy đàm phán để tìm giải pháp cơ bản, lâu dài, các bên liên quan cần duy trì ổn định trên cơ sở giữ nguyên hiện trạng, không có hành động làm phức tạp thêm tình hình, không sử dụng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực.

Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam cũng nhấn mạnh: Cần phân biệt vấn đề giải quyết tranh chấp quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa với các vấn đề bảo

vệ vùng biển và thêm lục địa thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán của Việt Nam, căn cứ vào những nguyên tắc và những tiêu chuẩn Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982. Theo Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982, các quốc gia ven biển có quyền ấn định chiều rộng lãnh hải 12 hải lý (01 hải lý = 1,852 km), được tính từ đường cơ sở. Đường cơ sở được tính từ đường tiếp giáp thực tế của đất và nước, hoặc là đường nối hai điểm thuộc đất liền được chọn khi chúng nổi lên mặt nước và xa bờ nhất khi mực nước thủy triều thấp nhất.

Ngày 09-02-2007, Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (khóa X) ra Nghị quyết số 09 - NQ/TW “Về chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020”. Nghị quyết số 09 không những đánh dấu mốc hết sức quan trọng, thể hiện tầm nhìn mới trong chiến lược phát triển đất nước, mà còn khẳng định và xác lập quyền chủ quyền đầy đủ của Việt Nam đối với vùng biển, thêm lục địa, hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Tại kỳ họp lần thứ 2, Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam ngày 25-11-2011, Thủ tướng Chính phủ tuyên bố khẳng định chủ quyền của Việt Nam trên Biển Đông và nêu rõ, quán triệt đường lối đối ngoại hòa bình hữu nghị, độc lập, tự chủ và chủ quyền Quốc gia của Đảng và Nhà nước ta, trên cơ sở luật pháp quốc tế, nhất là Công ước Luật Biển năm 1982 của Liên hợp quốc, tuyên bố ứng xử của các bên ở Biển Đông (DOC), căn cứ vào thỏa thuận những nguyên tắc cơ bản chỉ đạo giải quyết vấn đề trên biển mà Việt Nam và Trung Quốc ký trong chuyến thăm của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đến Trung Quốc, căn cứ những chủ trương, đường lối và những nguyên tắc nêu trên, chúng ta phải giải quyết và khẳng định chủ quyền trên Biển Đông.

Về quần đảo Trường Sa, năm 1975 giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc, Hải quân Việt Nam đã tiếp quản 5 hòn đảo tại quần đảo Trường Sa (đảo Trường Sa, đảo Song Tử Tây, đảo Sinh Tồn, đảo Nam Yết và đảo Sơn Ca) từ chính quyền Việt Nam Cộng hòa. Vượt qua nhiều khó khăn, thử thách, Việt Nam đã mở thêm và hiện nay quản lý 21 đảo, với 33 điểm đóng quân và xây dựng thêm 15 nhà giàn ở khu vực bãi Tư Chính để khẳng định chủ quyền của Việt Nam ở vùng biển trong phạm vi 200 hải lý thuộc thêm lục địa và vùng đặc quyền kinh tế theo Công ước về Luật Biển năm 1982.

Thủ tướng Việt Nam khẳng định “...trên quần đảo Trường Sa, Việt Nam là quốc gia có số đảo đang đóng giữ nhiều nhất so với các quốc gia và các bên có đòi hỏi chủ quyền ở quần đảo Trường Sa. Việt Nam cũng là quốc gia duy nhất có cư dân đang làm ăn sinh sống trên một số đảo mà chúng ta đang đóng giữ với 21 hộ, 80 khẩu, trong đó có 6 khẩu cũng đã sinh ra, lớn lên ở các đảo này” (3).

Thủ tướng Chính phủ Việt Nam nhấn mạnh trước Quốc hội và cử tri cả nước: “Chúng ta phải giải quyết và khẳng định chủ quyền trên Biển Đông là vấn đề phải giải quyết và khẳng định chủ quyền của chúng ta trong phạm vi 200 hải lý thuộc vùng đặc quyền kinh tế và thêm lục địa theo Công ước về Luật Biển năm 1982. Chúng ta đã và sẽ tiếp tục khẳng định chủ quyền để quản lý thực hiện chủ quyền ngày càng đầy đủ hơn, hiệu quả hơn đối với vùng biển này” (4).

Như vậy, qua các nghị quyết của Đảng, tuyên bố của Nhà nước, để bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán của quốc gia trên Biển Đông và chủ quyền quốc gia tại hai quần đảo Hoàng Sa và

Trường Sa, Đảng và Chính phủ Việt Nam thể hiện nhất quán quan điểm, chủ trương và giải pháp của Việt Nam trong việc giải quyết vấn đề Biển Đông như sau:

1. Trong xử lý vấn đề Biển Đông, Việt Nam giữ vững độc lập, tự chủ, gắn bảo vệ chủ quyền lãnh thổ quốc gia với giữ vững môi trường hòa bình để phát triển đất nước. Vận dụng sáng tạo bài học kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, tranh thủ sự đồng tình ủng hộ rộng rãi của cộng đồng quốc tế.

2. Tiếp tục khẳng định chủ quyền đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa; kiên định bảo vệ vùng chủ quyền kinh tế 200 hải lý và thềm lục địa theo luật pháp quốc tế; tăng cường thực hiện và bảo vệ hoạt động kinh tế biển, nhất là hoạt động dầu khí và đánh bắt cá trong phạm vi vùng đặc quyền kinh tế 200 hải lý; không chấp nhận yêu sách “đường lưỡi bò” của Trung Quốc.

3. Trên cơ sở Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982, tinh thần DOC, tiến tới COC và quan hệ hữu nghị, hợp tác của Việt Nam với các nước liên quan, chủ động, tích cực cùng các bên liên quan đàm phán tìm giải pháp cơ bản, lâu dài và các bên có thể chấp nhận được đối với các khu vực tranh chấp. Trong khi chưa đạt được giải pháp cơ bản, lâu dài, có thể tiến hành hợp tác cùng phát triển ở một số khu vực thật sự có tranh chấp theo Luật Biển quốc tế.

4. Xử lý hài hòa mối quan hệ giữa bảo vệ chủ quyền lãnh thổ với giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước, coi trọng quan hệ hữu nghị hợp tác Việt Nam và Trung Quốc và các nước có liên quan, phấn đấu không để xảy ra xung đột quân sự ở Biển Đông. Chúng ta kiên trì nguyên tắc, đồng thời xử lý các tình huống, các vấn đề cụ thể một cách bình tĩnh, chủ động.

Để đạt được yêu cầu đó, Đảng và Chính phủ Việt Nam cũng đề ra các giải pháp xử lý vấn đề Biển Đông như sau:

1. Cần phải có sự đồng thuận cao trong xã hội, mọi người dân cần nhận thức rõ đấu tranh trên vấn đề Biển Đông là lâu dài và hết sức khó khăn, gian khổ, cần kiên trì, bền bỉ, không thể nóng vội; cần phối hợp đồng bộ, tổng hợp, nhiều kênh, nhiều biện pháp, tạo nên sức mạnh tổng hợp. Chúng ta phấn đấu bằng mọi cách xử lý vấn đề Biển Đông bằng biện pháp hòa bình, kiên quyết bảo vệ chủ quyền lãnh thổ của đất nước, đồng thời giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước. Kinh tế phát triển sẽ tạo thế và lực cho chúng ta trong việc bảo vệ chủ quyền biển, đảo; tình hình Biển Đông ổn định sẽ tạo môi trường thuận lợi để chúng ta phát triển kinh tế và ngược lại. Do vậy, chúng ta phải nỗ lực cao nhất cho việc vừa bảo vệ chủ quyền, vừa duy trì hòa bình, ổn định ở Biển Đông, tạo cơ sở để phát triển kinh tế, thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2. Củng cố, tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh; tập trung nâng cao năng lực của hải quân, không quân và các lực lượng quản lý biển (cảnh sát biển, biên phòng, kiểm ngư); xây dựng lực lượng kiểm ngư kịp thời ứng phó với các tình huống xảy ra trên biển; thực hiện chiến lược toàn dân tham gia bảo vệ chủ quyền biển, đảo; các ngành hữu quan khẩn trương triển khai các chính sách, biện pháp hỗ trợ ngư dân, kể cả việc hỗ trợ ngư dân đóng mới các tàu cá cỡ lớn đánh bắt xa bờ.

3. Tiếp tục củng cố các bằng chứng lịch sử, cơ sở pháp lý và thực tiễn để bảo vệ chủ quyền đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa; công bố các tư liệu lịch sử khẳng định chủ quyền biển, đảo của Việt Nam.

Trên cơ sở luật pháp quốc tế, nhất là Công ước Luật Biển năm 1982 của Liên hợp quốc, thể hiện ý chí và nguyện vọng của nhân dân, ngày 21-6-2012, Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 3 đã thông qua *Luật Biển Việt Nam*. Luật Biển Việt Nam quy định về đường cơ sở, nội thủy, lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa, các đảo, quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa và quần đảo khác thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia của Việt Nam; hoạt động trong vùng biển Việt Nam; phát triển kinh tế biển; quản lý và bảo vệ biển, đảo (5).

Trong bối cảnh phức tạp của tình hình quốc tế, Biển Đông đã trở thành một trong những nơi thể hiện sự cạnh tranh chiến lược và chia sẻ lợi ích của Trung Quốc và Mỹ ở Đông Nam Á, đặc biệt Trung Quốc đang triển khai ráo riết yêu sách “đường lưỡi bò”. Tình hình trên đã làm cho cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền và các lợi ích chính đáng, hợp pháp của Việt Nam theo luật quốc tế ở Biển Đông ngày càng khó khăn, quyết liệt. Yêu cầu chiến lược của Việt Nam là bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền và lợi ích quốc gia, đồng thời giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để xây dựng và phát triển đất nước, giữ quan hệ hữu nghị, hợp tác với Trung Quốc, các nước ASEAN và các nước khác.

Từ kinh nghiệm thực tiễn thực hiện Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển và Chiến lược Biển Việt Nam đến năm 2020, trong bối cảnh tình hình quốc tế tiếp tục có nhiều diễn biến phức tạp, đặc biệt là sự cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, tranh chấp chủ quyền ranh giới biển và sự bất đồng giữa các nước tại Biển Đông; những vấn đề cấp bách toàn cầu như ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu, nước biển dâng; phát triển bền vững, hài hòa

giữa phát triển với bảo tồn biển,...; ở trong nước, ổn định kinh tế vĩ mô, phát triển bền vững; thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng; an ninh, trật tự, an toàn xã hội vẫn là những khó khăn, thách thức lớn (6), Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương (khóa XII) ra Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22-10-2018 về “Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”. Với tầm nhìn mới Đảng đã xác định 5 quan điểm về phát triển bền vững kinh tế biển, trong đó quan điểm có tính chỉ đạo xuyên suốt là: “Biển là bộ phận cấu thành chủ quyền thiêng liêng của Tổ quốc, là không gian sinh tồn, cửa ngõ giao lưu quốc tế, gắn bó mật thiết với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Việt Nam phải trở thành quốc gia mạnh về biển, giàu từ biển, phát triển bền vững, thịnh vượng, an ninh và an toàn; phát triển bền vững kinh tế biển gắn liền với bảo đảm quốc phòng, an ninh, giữ vững độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ,...”. Từ quan điểm trên, Đảng xác định mục tiêu của chiến lược biển là: “Đưa Việt Nam trở thành quốc gia biển mạnh; đạt cơ bản các tiêu chí về phát triển bền vững kinh tế biển; hình thành văn hoá sinh thái biển; chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng; ngăn chặn xu thế ô nhiễm, suy thoái môi trường biển, tình trạng sạt lở bờ biển và biển xâm thực; phục hồi và bảo tồn các hệ sinh thái biển quan trọng. Những thành tựu khoa học mới, tiên tiến, hiện đại trở thành nhân tố trực tiếp thúc đẩy phát triển bền vững kinh tế biển” (7).

Đảng đề ra một số chủ trương lớn và khâu đột phá nhằm thực hiện chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045. Để khai thác tiềm năng và thế mạnh của biển, thực hiện mục tiêu, quốc gia biển phải làm giàu từ biển và mạnh lên từ biển, Đảng xác định

định hướng đưa nước ta thành quốc gia mạnh về biển, phát triển toàn diện các ngành, nghề biển với cơ cấu phong phú; từ đó đề ra nhiệm vụ và giải pháp nhằm tăng cường công tác đối ngoại và hợp tác quốc tế về biển để khai thác có hiệu quả mọi tiềm năng kinh tế biển, đồng thời bảo đảm tốt nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, bảo vệ chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia; đề ra yêu cầu nhanh chóng hoàn thiện hệ thống pháp luật trong lĩnh vực đối ngoại về biển theo luật pháp và thông lệ quốc tế.

3. Đấu tranh khẳng định, bảo vệ chủ quyền biển đảo Việt Nam và hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa

3.1. Quá trình Trung Quốc và các nước vi phạm chủ quyền Việt Nam tại hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa từ sau năm 1975

Trước hết cần phải khẳng định rằng, trước thế kỷ XX, Việt Nam khai thác, quản lý và thực hiện chủ quyền quốc gia đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa một cách hoà bình mà không có nước nào tranh chấp. Chỉ đến đầu năm 1907, khi Nhật Bản đánh chiếm Đông Sa làm cho Trung Quốc quan tâm đến các đảo trên Biển Đông.

Trước năm 1975, Philippines chiếm và quản lý 7 đảo thuộc quần đảo Trường Sa. Từ năm 1977 đến năm 1978, Philippines cho quân chiếm đóng trái phép hai đảo là đảo Dừa (Bến Lạc) và cồn san hô Lan Can mà họ gọi là Likas và Panata, nâng tổng số đảo họ chiếm đóng trái phép lên 9 đảo. Philippines ra sức củng cố vị trí của mình tại **các** đảo này bằng cách chở đất ra để trồng dừa, cạp thêm đảo để làm đường băng cho máy bay chiến đấu, tổ chức đánh cá, xây dựng kho ướp lạnh, tổ chức thăm dò khai thác dầu khí tại Bãi Cỏ Rong nằm ở phía Đông Bắc quần đảo Trường Sa. Ngày 11-6-1978, Tổng thống Philippines ký sắc lệnh số 1569 xác định toàn bộ quần đảo

Trường Sa gồm 60 đảo, bãi đá ngầm (trừ đảo Trường Sa) là thuộc lãnh thổ Philippines và đặt tên hành chính là Kalayaan nằm trong tỉnh Palawan.

Tháng 4-1979, hải quân Việt Nam và hải quân Trung Quốc đụng độ khi Trung Quốc đuổi tàu chiến Việt Nam ở vùng biển Hoàng Sa. Ngày 21-12-1979, Malaysia cho xuất bản một bản đồ vẽ ranh giới lãnh hải của họ lấn vào vùng biển phía Nam của quần đảo Trường Sa, trong đó có các đảo An Bang, Thuyền Chài do Quân đội Nhân dân Việt Nam đang đóng giữ.

Tháng 7-1980, quân đội Philippines mở cuộc hành quân Polaris - I chiếm đóng thêm một đảo phía Nam là đảo Công Đo, mà họ gọi là đảo Rizal nằm cách hòn đảo gần nhất mà họ chiếm đóng trái phép trước đó 150 hải lý.

Năm 1982, Malaysia cho dựng cột mốc, dựng cờ trên đảo Đá Hoa Lau mà họ gọi là Terumbu Layang. Tháng 6-1982, đích thân Tổng Tham mưu trưởng quân đội Malaysia, tướng Ta sri Mohamed Chazali chỉ huy, tổ chức một cuộc hành quân chiếm đóng đảo Đá Hoa Lau ở phía Đông Nam đảo An Bang 60 hải lý, nhằm giành chủ quyền trên một vùng biển rộng 150 hải lý vuông tính từ đảo Đá Hoa Lau trở về vùng biển Malaysia và có một chỗ đứng chân để tranh chấp một phần quần đảo Trường Sa của Việt Nam. Tướng Ta Sri Mohamed Chazali tuyên bố: “bảo đảm chắc chắn rằng các vùng ngoài bờ biển của chúng ta được an toàn”. Malaysia đã cho công binh đào một con kênh qua bãi san hô vào sát đảo, dài 1.800m, rộng 300m cho tàu thuyền vào trú đậu an toàn, xây dựng thành một điểm tựa cho các hành động lấn chiếm tiếp theo.

Ngày 25- 4-1983, Trung Quốc ra tuyên bố đặt tên Trung Quốc cho các đảo, đá, bãi cạn thuộc quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam. Năm 1984, Trung Quốc ra tuyên

bố sáp nhập hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa vào địa phận tỉnh Hải Nam của Trung Quốc.

Tháng 12-1986, Malaysia tổ chức một cuộc hành quân ra chiếm đóng trái phép đá Kỳ Vân và đá Kiệu Ngựa mà họ gọi là Terumbu Mantanani và Terumbu Ubi, nằm ở phía Bắc đá Hoa Lau.

Tháng 10-1987, hải quân Trung Quốc tập trận lớn ở vùng đảo Trường Sa. Tháng 3-1988, Trung Quốc cử một hải đội lớn tới quần đảo Trường Sa, chiếm sáu nhóm đá ngầm, dựng cột mốc xác định chủ quyền và đã xảy ra đụng độ giữa hải quân Trung Quốc và hải quân Việt Nam. Sau đó, Trung Quốc ngăn chặn các tàu tiếp tế của Việt Nam. Năm 1989, hải quân Trung Quốc chiếm thêm một số đảo thuộc quần đảo Trường Sa. Từ sau năm 1988, Trung Quốc tiến hành cải tạo, xây dựng, biến một số thực thể địa lý ở phía Tây Bắc quần đảo Trường Sa của Việt Nam thành các đảo nhân tạo lớn, đủ để xây dựng và bố trí các thiết bị quân sự hải, lục, không quân hiện đại.

Ngày 25-2-1992, Trung Quốc công bố đạo luật về lãnh hải, xác định chủ quyền đối với toàn bộ Hoàng Sa và Trường Sa. Cùng năm, vào tháng 5, Trung Quốc cho phép Công ty Creston Energy của Mỹ vào thăm dò dầu khí ở phía tây Trường Sa, ngay bên cạnh mỏ dầu Đại Hùng, nằm trên thềm lục địa của Việt Nam, cách bờ biển Việt Nam 250km và cách đảo Hải Nam (Trung Quốc) tới 800 km và cam kết sẽ cho hải quân bảo vệ. Tháng 7-1992, hải quân Trung Quốc đổ bộ lên vài hòn đảo nữa thuộc quần đảo Trường Sa, đóng cột mốc chủ quyền và trấn an Công ty Crestone về phương diện an ninh.

Năm 1993, Việt Nam và Trung Quốc ký thỏa thuận về các nguyên tắc cơ bản giải

quyết các vấn đề biên giới lãnh thổ và cuộc đàm phán về ba vấn đề biên giới trên đất liền, phân định Vịnh Bắc Bộ và vấn đề trên biển chính thức bắt đầu. Cũng trong năm này, đã xảy ra cuộc đụng độ giữa hải quân Việt Nam và một chiếc tàu Trung Quốc nghiên cứu cho Công ty Crestone.

Năm 1994, Trung Quốc đã đưa tàu thăm dò dầu khí vào bãi Tư Chính, giành chủ quyền tại mỏ dầu Thăng Long trên thềm lục địa Việt Nam và tuyên bố hợp đồng của Việt Nam ký với Công ty Mobil để khai thác vùng này là không có giá trị. Đến năm 1997 đưa giàn khoan Kantan 03 vào khoan thăm dò trên thềm lục địa Việt Nam.

Ngày 17-12-1999, Thượng nghị viện Philippines đã thông qua một dự luật liệt kê những khu vực thuộc chủ quyền của Philippines tại vùng quần đảo Trường Sa.

Năm 2000, Bộ Ngoại giao Trung Quốc ra tuyên bố chứng minh cho yêu sách chủ quyền của mình đối với hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa và 80% diện tích Biển Đông và cho rằng: Trung Quốc có chủ quyền không thể chối cãi đối với quần đảo Nam Sa (Trường Sa - tên gọi của Việt Nam) và các vùng nước lân cận. Trung Quốc là quốc gia đầu tiên phát hiện và đặt tên cho quần đảo là Nam Sa và là quốc gia đầu tiên thực hiện chủ quyền đối với quần đảo này. Chúng tôi có lịch sử phong phú và bằng chứng pháp lý để chứng minh điều đó và cộng đồng quốc tế từ lâu đã công nhận điều đó" (8).

Ngày 4-1-2002, Trung Quốc và ASEAN ký kết Tuyên bố về cách ứng xử ở Biển Đông (DOC). Tháng 11-2004, Trung Quốc và Philippines đã thỏa thuận hợp tác khảo sát ở Biển Đông, Việt Nam đã lên tiếng phản đối quyết liệt. Ngày 8-1-2005, Trung Quốc nổ súng vào tàu đánh cá Việt Nam. Ngày 14-3-2005, ba công ty dầu khí ba

nước: Việt Nam, Trung Quốc, Philippines ký thỏa thuận về khảo sát địa chất chung ở một số khu vực trên Biển Đông. Tháng 7-2006, Trung Quốc công bố “bản đồ chuẩn” trên mạng, là một cách khác để khẳng định chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Đầu tháng 4-2007, Trung Quốc bắt giữ bốn tàu đánh cá của ngư dân Việt Nam với lý do đánh cá trong vùng biển Hoàng Sa. Cũng trong thời gian này, Trung Quốc cảnh báo Việt Nam về việc ký kết với hãng BP của Anh và Conoco Phillips của Mỹ xây dựng đường ống dẫn khí trên vùng biển cách Vũng Tàu 370 km. Hai tháng sau khi Trung Quốc phản đối, BP tuyên bố ngừng dự án. Ngày 9-7-2007, tàu hải quân Trung Quốc nã súng vào một số tàu cá của ngư dân Việt Nam trong vùng biển Trường Sa.

Ngày 10-8-2007, Trung Quốc đưa tin về việc tổ chức tour du lịch tới Hoàng Sa; từ ngày 16 đến 23-11-2007, cho hải quân tập trận lớn ở Hoàng Sa. Cũng trong tháng 11-2007, Đài Loan đã khởi công xây dựng lại đường băng trên đảo Ba Bình, xây dựng “bia kỷ niệm công trình” và tiến hành các hoạt động viếng thăm cao cấp tới đảo này.

Tháng 12-2007, Trung Quốc công bố quyết định của Quốc Vụ viện thành lập thành phố cấp huyện Tam Sa bao gồm cả hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, chính thức hợp thức hóa các hành động lấn chiếm trước đó. Nhân dịp tổ chức Thế vận hội Bắc Kinh (tháng 8 năm 2008), Trung Quốc cho phát hành tiền “Nhân dân tệ”: 1, 2, 5, 10 đồng có ghi rõ: “Chỉ được tiêu dùng trên quần đảo Trường Sa mà thôi”; vẽ và phổ biến bản đồ trên đó có Hoàng Sa và Trường Sa tại Bắc Kinh để phát cho du khách.

Ngày 7-5-2009, cùng với Công hàm gửi Tổng Thư ký Liên hợp quốc phản đối Việt Nam nộp Báo cáo quốc gia về ranh giới

ngoài thêm lục địa cho Ủy ban Ranh giới thêm lục địa, Trung Quốc đã gửi kèm một sơ đồ thể hiện yêu sách đường 9 đoạn trên Biển Đông, chính thức cho lưu hành bản đồ đường đứt khúc 9 đoạn (đường lưỡi bò, đường chữ U) trên Biển Đông. Theo Công hàm của Trung Quốc thì “Trung Quốc có chủ quyền không thể tranh cãi đối với các đảo ở biển Nam Trung Hoa và các vùng nước kề cận, có chủ quyền và quyền tài phán đối với các vùng nước liên quan cũng như đáy biển và lòng đất đáy biển ở đó” (9).

Đây là văn bản đầu tiên thể hiện quan điểm chính thức của Trung Quốc về yêu sách Đường 9 đoạn, năm 1947 có 11 đoạn, năm 1953 bỏ 2 đoạn trong Vịnh Bắc Bộ còn 9 đoạn, năm 2013 thêm một đoạn thành 10 đoạn và cũng là lần đầu tiên Trung Quốc chính thức công bố yêu sách này với các quốc gia thành viên Liên hợp quốc.

Ngày 8-5-2009, Bộ Ngoại giao Đài Loan lên tiếng tiếp tục khẳng định chủ quyền của họ đối với nhiều nhóm đảo trên Biển Đông sau khi Việt Nam và Malaysia gửi đơn lên Ủy ban Ranh giới thêm lục địa của Liên hợp quốc (CLCS), yêu cầu mở rộng đường ranh giới phía ngoài thêm lục địa.

Từ năm 2010, Trung Quốc tiếp tục cho quân tập trận ở quần đảo Trường Sa; bắt giữ và tịch thu ngư cụ đánh cá của ngư dân Việt Nam trong vùng biển thuộc chủ quyền Việt Nam; chủ trương khai thác kinh tế và du lịch ở Hoàng Sa và Trường Sa; công bố Cương yếu quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội ngày 3-3-2011 với nhiều nội dung liên quan đến chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo này. Tiếp đến, ngày 9-6-2011 tại khu vực lô dầu khí 136/03, tàu khảo sát địa chấn Viking II do Tập đoàn Dầu khí quốc gia Việt Nam thuê, khi đang khảo sát địa chấn đã bị một số tàu cá của Trung Quốc dưới sự yểm trợ của tàu ngư chính Trung Quốc cản trở hoạt động và

thực hiện một số vụ cắt cáp tàu thăm dò địa chấn của Việt Nam, trong đó có tàu Bình Minh 2.

Tháng 5-2014, Trung Quốc đưa giàn khoan HD 981 trái phép ra vùng biển Hoàng Sa, xâm phạm chủ quyền, quyền chủ quyền lãnh hải và vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam.

Từ đầu tháng 7 đến cuối tháng 10-2019, Trung Quốc đưa nhóm tàu khảo sát địa chất Hải Dương 8 nhiều lần khảo sát trái phép tại vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của Việt Nam. Căn cứ vào UNCLOS 1982, khu vực mà Trung Quốc đưa tàu vào hoạt động không phải là khu vực tranh chấp hay có chồng lấn mà là vùng biển hoàn toàn thuộc quyền chủ quyền và quyền tài phán của Việt Nam.

3.2. Quá trình đấu tranh khẳng định và bảo vệ chủ quyền biển đảo và hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa

Đấu tranh trên mặt trận ngoại giao

Ngày 20-9-1978, trong chuyến viếng thăm chính thức nước Cộng hòa Philippines, Thủ tướng nước Cộng hòa XHCN Việt Nam Phạm Văn Đồng đã khẳng định chủ quyền Việt Nam đối với quần đảo Trường Sa và thỏa thuận với Tổng thống Philippines Ferdinand Marcos rằng, hai bên sẽ giải quyết mọi tranh chấp và bất đồng bằng thương lượng hòa bình.

Tháng 10-1978, trong chuyến viếng thăm chính thức Malaysia, Thủ tướng nước Cộng hòa XHCN Việt Nam đã khẳng định quần đảo Trường Sa thuộc chủ quyền Việt Nam và đồng ý với Thủ tướng Malaysia Hussein On rằng, nếu có tranh chấp và hiểu lầm nào đó, hai bên sẽ giải quyết bằng thương lượng hòa bình.

Ngày 15-3-1979, Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa XHCN Việt Nam công bố Bị vong lục về vấn đề biên giới Việt Nam - Trung Quốc. Trong đó, tố cáo việc Trung Quốc cưỡng

chiếm trái phép quần đảo Hoàng Sa của Việt Nam vào ngày 20-01-1974.

Ngày 28-9-1979, Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa XHCN Việt Nam công bố Sách trắng (Bạch thư) giới thiệu 19 tài liệu chứng minh chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Ngày 29-4-1980, Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa XHCN Việt Nam gửi công hàm cho Malaysia phản đối việc Malaysia cho xuất bản một bản đồ vẽ ranh giới lãnh hải của Malaysia lấn vào vùng biển phía Nam của quần đảo Trường Sa. Cũng trong năm này, vào ngày 08 tháng 5, nhân chuyến thăm và hội đàm với Malaysia, Bộ trưởng Ngoại giao Việt Nam Nguyễn Cơ Thạch đã khẳng định đảo An Bang là của Việt Nam.

Ngày 26-7 và ngày 11-8-1980, Chính phủ Việt Nam gửi công hàm phản đối hành động Philippines mở cuộc hành quân Polaris I chiếm đóng đảo Công Đo trên quần đảo Trường Sa của Việt Nam.

Tháng 12-1981, Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa XHCN Việt Nam công bố "*Sách trắng*" về quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là lãnh thổ Việt Nam.

Ngày 21-2-1982, người phát ngôn Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa XHCN Việt Nam tuyên bố phản đối Chính quyền Đài Loan tự ý đặt quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa dưới quyền tài phán của Đài Loan.

Ngày 06-5-1983, người phát ngôn Bộ Ngoại giao Việt Nam ra tuyên bố phản đối việc ngày 25-4-1983 Cộng hòa nhân dân Trung Hoa đặt tên Trung Quốc cho các đảo, đá, bãi cạn thuộc quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam.

Ngày 2-6-1984, Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa XHCN Việt Nam ra tuyên bố lên án Trung Quốc sáp nhập hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam vào địa phận tỉnh Hải Nam, Trung Quốc. Cũng trong năm này, Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa XHCN Việt Nam phản đối Malaysia chiếm đóng

trái phép đảo Đá Hoa Lau trong quần đảo Trường Sa thuộc chủ quyền Việt Nam.

Ngày 16-4-1987, người phát ngôn Bộ Ngoại giao Việt Nam khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa. Đồng thời bác bỏ tuyên bố ngày 15 tháng 4 năm 1987 của Bộ Ngoại giao Trung Quốc về chủ quyền của Trung Quốc đối với quần đảo Nam Sa (tức Trường Sa). Cũng trong năm này, vào ngày 14 tháng 6, Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa XHCN Việt Nam ra tuyên bố lên án Trung Quốc đã liên tiếp đưa tàu biển khảo sát tiến hành các hoạt động bất hợp pháp ở quần đảo Trường Sa, đặc biệt là Trung Quốc đã tổ chức cuộc tập trận ở quần đảo Trường Sa từ ngày 16 tháng 5 năm 1987.

Ngày 20-2-1988, người phát ngôn Bộ Ngoại giao Việt Nam tố cáo nhiều lần tàu chiến Trung Quốc vi phạm vùng biển Việt Nam ở ngoài khơi quần đảo Trường Sa. Tuyên bố lên án các hoạt động quân sự của Trung Quốc ở quần đảo Trường Sa là đe dọa nền an ninh của Việt Nam và của các nước láng giềng trong khu vực. Cũng trong năm này, sau sự kiện đụng độ nhau giữa hải quân Việt Nam và hải quân Trung Quốc vào ngày 14 tháng 3, người phát ngôn Bộ Ngoại giao Việt Nam phản đối việc hải quân Trung Quốc tiếp tục ngăn chặn các cuộc tiếp tế của tàu Việt Nam.

Ngày 5-6-1992, Việt Nam và Malaysia ký Bản ghi nhớ quy định phạm vi “vùng xác định”, hai bên cử đại diện của mình để tiến hành các hoạt động thăm dò và khai thác trong “vùng xác định”. Phía Việt Nam cử Petro Vietnam, Malaysia cử Petronas. Ngày 29-7-1997, tấn dầu đầu tiên đã được khai thác tại mỏ Bunga Kekwa, đánh dấu thành công lớn cho cả hai nước trong việc khai thác nguồn lợi chung và kinh nghiệm trong giải quyết các tranh chấp khác.

Năm 2000, sau nhiều năm đàm phán, Việt Nam và Trung Quốc đã đạt được thỏa

thuận phân định ranh giới vịnh Bắc Bộ. Còn vùng biển ngoài cửa Vịnh Bắc Bộ nếu theo Công ước Luật Biển năm 1982 thì thêm lục địa của Việt Nam có chồng lấn với đảo Hải Nam của Trung Quốc. Từ năm 2006 hai bên đã tiến hành đàm phán, mãi tới năm 2009 thì hai bên quyết định tạm dừng vì lập trường hai bên còn rất khác xa nhau. Đến đầu năm 2010 Việt Nam và Trung Quốc thỏa thuận tiến hành đàm phán những nguyên tắc cơ bản chỉ đạo giải quyết vấn đề trên biển. Sau nhiều lần đàm phán nguyên tắc đó đã được hai bên ký kết nhân dịp Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng thăm Trung Quốc tháng 10-2011.

Ngày 4-11-2002, tại Phnom Penh (Campuchia), Việt Nam cùng các quốc gia trong khối ASEAN và Trung Quốc đã ký kết Bản Tuyên bố ứng xử trên Biển Đông (DOC), đánh dấu một bước tiến quan trọng trong việc giải quyết các vấn đề trên biển và duy trì ổn định ở khu vực.

Ngày 19-2-2009, người phát ngôn Bộ Ngoại giao Việt Nam tuyên bố: Việt Nam có đầy đủ bằng chứng lịch sử và cơ sở pháp lý để khẳng định chủ quyền của mình đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Mọi hoạt động của nước ngoài liên quan đến hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam mà không được phép của Việt Nam đều là vi phạm chủ quyền của Việt Nam và không có giá trị pháp lý.

Ngày 6-5-2009, Việt Nam và Malaysia đã phối hợp trình Ủy ban Ranh giới thêm lục địa của Liên hợp quốc *Báo cáo chung về khu vực thêm lục địa kéo dài* liên quan đến hai nước là một thành công nữa đối với hai nước trong việc giải quyết các tranh chấp trên Biển Đông.

Ngày 5-11-2010, người phát ngôn Bộ Ngoại giao Việt Nam phản đối việc Cục Đo đạc bản đồ quốc gia Trung Quốc thể hiện đường yêu sách 9 đoạn bao trùm lên hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa và các vùng

biển của Việt Nam. Tuyên bố nêu rõ: Việc làm này của Cục Đo đạc bản đồ quốc gia Trung Quốc đã vi phạm nghiêm trọng chủ quyền của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, quyền chủ quyền và quyền tài phán quốc gia của Việt Nam đối với thềm lục địa, vùng đặc quyền kinh tế 200 hải lý, vi phạm Công ước của Liên hiệp quốc về Luật Biển năm 1982, trái với tinh thần Tuyên bố về cách ứng xử của các bên ở Biển Đông (DOC) ký giữa ASEAN và Trung Quốc.

Ngày 11-10-2011 tại Bắc Kinh, Đoàn đại biểu Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Đoàn đại biểu Chính phủ nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa đã ký Thỏa thuận về những nguyên tắc cơ bản chỉ đạo giải quyết vấn đề trên biển giữa Việt Nam và Trung Quốc.

Ngày 16-10-2011, trước thông tin Trung Quốc cử tàu có trọng tải 1.000 tấn đến Trường Sa để hỗ trợ việc nuôi trồng, đánh bắt thủy sản và hiện có 500 tàu cá thường xuyên hoạt động ở khu vực Trường Sa và thông tin Trung Quốc phản đối Ấn Độ hợp tác với Việt Nam thăm dò dầu khí tại Lô 127, Lô 128 thuộc vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam, người phát ngôn Bộ Ngoại giao Việt Nam nhấn mạnh: “Việt Nam khẳng định chủ quyền không tranh cãi đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Mọi hoạt động của các bên tại khu vực này mà không có sự chấp thuận của Việt Nam là vi phạm chủ quyền của Việt Nam. Việt Nam yêu cầu các bên không có các hành động làm phức tạp tình hình ở Biển Đông, góp phần duy trì hòa bình, ổn định ở khu vực. Việt Nam khẳng định các dự án hợp tác giữa Việt Nam với các đối tác nước ngoài trong lĩnh vực dầu khí, trong đó có các dự án hợp tác tại các Lô 127, Lô 128 nằm trong vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của Việt Nam hoàn toàn thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán

của Việt Nam, phù hợp với Công ước Liên hiệp quốc về Luật Biển 1982, phù hợp với tập quán, thực tiễn quốc tế và các thỏa thuận đa phương và song phương mà Việt Nam ký kết. Các ý kiến phản đối sự hợp tác giữa Việt Nam và các đối tác nước ngoài tại thềm lục địa và vùng đặc quyền kinh tế 200 hải lý của Việt Nam là hoàn toàn không có cơ sở pháp lý và vô giá trị” (10).

Việt Nam cho rằng “Để có một giải pháp hợp lý mà hai bên có thể chấp nhận được, chúng ta đang thúc đẩy cùng Trung Quốc xúc tiến đàm phán giải quyết việc phân định này, trong khi chưa phân định thì với chừng mực khác nhau, hai bên cũng đã tự hình thành vùng quản lý của mình trên cơ sở đường trung tuyến. Cũng trên cơ sở này, chúng ta có đối thoại với Trung Quốc để bảo đảm cho việc an ninh, an toàn trong việc khai thác nghề cá của đồng bào chúng ta” (11).

Thủ tướng Chính phủ Việt Nam tuyên bố, Việt Nam khẳng định chủ quyền quần đảo Hoàng Sa. “Việt Nam chúng ta khẳng định có đủ căn cứ về pháp lý và lịch sử khẳng định rằng quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa thuộc chủ quyền của Việt Nam.

Chúng ta đã làm chủ thực sự ít nhất là từ thế kỷ XVII, khi 2 quần đảo này chưa thuộc bất kỳ một quốc gia nào và chúng ta đã làm chủ trên thực tế và liên tục hòa bình” (12).

Tuy nhiên, đối với Hoàng Sa, năm 1956 Trung Quốc đưa quân chiếm đóng các đảo phía Đông của quần đảo Hoàng Sa. Đến năm 1974, Trung Quốc dùng vũ lực đánh chiếm toàn bộ quần đảo Hoàng Sa lúc ấy do chính quyền Việt Nam Cộng hòa quản lý. Chính quyền Việt Nam Cộng hòa đã lên tiếng phản đối, lên án việc làm này và đề nghị Liên Hợp quốc can thiệp. Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam

Việt Nam lúc đó cũng đã ra tuyên bố phản đối hành vi chiếm đóng này.

Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khẳng định: “Lập trường nhất quán của chúng ta là quần đảo Hoàng Sa thuộc chủ quyền của Việt Nam, chúng ta có đủ căn cứ lịch sử và pháp lý để khẳng định điều này. Chúng ta chủ trương đàm phán giải quyết đòi hỏi chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa bằng biện pháp hòa bình. Chủ trương này của chúng ta phù hợp với Hiến chương Liên Hợp quốc, phù hợp với Công ước về Luật Biển, phù hợp với tuyên bố DOC” (13).

Ở quần đảo Trường Sa, Trung Quốc cũng đã chiếm 7 bãi đá ngầm, Đài Loan chiếm 1 đảo nổi, Philippines chiếm 9 đảo, Malaysia chiếm 5 đảo, còn Brunei có đòi hỏi chủ quyền trên vùng biển nhưng không có chiếm giữ đảo nào.

Chủ trương của Việt Nam đối với việc thực hiện chủ quyền đối với Hoàng Sa là nghiêm túc thực hiện Công ước Luật Biển, Tuyên bố ứng xử của các bên liên quan ở Biển Đông (DOC) và các nguyên tắc thỏa thuận mới ký kết giữa Việt Nam và Trung Quốc. Cụ thể là Việt Nam yêu cầu các bên giữ nguyên trạng, không làm tình hình phức tạp thêm, ảnh hưởng đến hòa bình, ổn định ở khu vực này.

Cùng với đó, Việt Nam tiếp tục đầu tư nâng cấp hạ tầng kinh tế xã hội và cơ sở vật chất, kỹ thuật ở những nơi chúng ta đang đóng giữ bao gồm cả đường sá, điện, trạm xá, trường học, nước... để cải thiện đời sống và tăng cường khả năng tự vệ của quân dân đảo Trường Sa. Đồng thời, Chính phủ yêu cầu sơ kết đánh giá lại cơ chế chính sách hỗ trợ nhân dân khai thác thủy, hải sản, vận tải biển trong khu vực này - việc này đã có và đang có hiệu quả và cần phải sơ kết để khuyến khích, hỗ trợ cho

nhân dân làm ăn sinh sống, thực hiện chủ quyền trên vùng biển Trường Sa.

Để các bên liên quan nghiêm túc thực hiện theo đúng Công ước Luật Biển năm 1982 và Tuyên bố DOC là phải bảo đảm hòa bình, ổn định, an ninh, trật tự, tự do hàng hải ở Biển Đông, “vì đây là mong muốn, là lợi ích của tất cả các bên liên quan biển, không chỉ của Việt Nam mà của tất cả các bên liên quan của các nước. Lập trường này của chúng ta được cộng đồng quốc tế ủng hộ, gần đây nhất là tại Hội nghị cấp cao ASEAN và cấp cao ASEAN với các đối tác” (14).

Ngày 12-12-2019, Malaysia gửi Công hàm số HA 59/12 đến Liên Hợp quốc Đề trình về thêm lục địa mở rộng của mình tại Biển Đông lên Ủy ban Ranh giới Thêm lục địa (CLCS). Cùng ngày, Trung Quốc gửi Công hàm số CML/14/2019 tại Liên Hợp quốc phản đối của Đề trình trên của Malaysia.

Ngày 2-4-2020, Tổng thư ký Liên hiệp quốc cho lưu hành Công hàm số 22/HC-2020 ngày 30-3-2020 của Phái đoàn thường trực Việt Nam tại Liên Hợp quốc để phản đối các yêu sách của Trung Quốc tại Biển Đông thể hiện trong hai Công hàm số CML/14/2019 và Công hàm số CML/11/2020.

Đến ngày 17-4-2020, trong Công hàm số CML/42/2020 gửi Liên hợp quốc để thực hiện cái gọi là “phản đối sự hiện diện của Việt Nam ở Trường Sa, nêu các yêu sách chủ quyền ở Biển Đông”, Trung Quốc một lần nữa xuyên tạc nội dung Công thư năm 1958 của Thủ tướng Phạm Văn Đồng và cho rằng Việt Nam đã công nhận Tây Sa, Nam Sa, tức là Hoàng Sa, và Trường Sa của Việt Nam, là của chủ quyền của Trung Quốc. Từ đó, Trung Quốc vu cáo là từ năm 1975 “Việt Nam đưa quân đội xâm lấn và chiếm đóng phi pháp một số đảo và bãi ngầm thuộc Nansha Qundao của Trung Quốc (tức quần đảo Trường Sa của Việt Nam)” và “yêu cầu

Việt Nam rút tất cả quân đội và phương tiện khỏi các đảo và bãi ngầm”.

Trong lịch sử ngoại giao tại Liên Hợp quốc, từ cuối năm 2019 đến giữa năm 2020 được các nhà ngoại giao gọi là cuộc chiến công thư. Thông qua kênh ngoại giao Liên Hợp quốc, Việt Nam tiếp tục khẳng định và bảo vệ chủ quyền của mình trên Biển Đông và hai quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa. Việt Nam thể hiện thái độ mềm dẻo, lập trường kiên định và chính nghĩa trước công luận quốc tế.

Như vậy, trong cuộc đấu tranh ngoại giao để khẳng định và bảo vệ chủ quyền biển đảo quốc gia trong đó có hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa, quan điểm nhất quán của Việt Nam là: Trong quan hệ với Trung Quốc, chúng ta kiên định nguyên tắc bảo vệ chủ quyền, lãnh thổ đất nước, nhưng ứng xử linh hoạt tránh để xảy ra xung đột quân sự. Chúng ta tiếp tục thúc đẩy quan hệ hữu nghị, hợp tác toàn diện với Trung Quốc; tăng cường xây dựng, củng cố lòng tin, tạo cơ chế đối thoại, giải quyết tranh chấp trên biển bằng biện pháp hòa bình. Trên bình diện quốc tế, chúng ta minh bạch hóa phạm vi chủ quyền, lập trường, quan điểm trong vấn đề Biển Đông để tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ rộng rãi của các nước ASEAN và quốc tế đối với Việt Nam; phê phán, bác bỏ yêu sách “đường lưỡi bò” của Trung Quốc. Mặt khác, cần luôn đề cao cảnh giác trước âm mưu của các thế lực thù địch, lợi dụng vấn đề Biển Đông để chống phá đất nước, chia rẽ giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân (15).

Đấu tranh trên mặt trận truyền truyền

Truyền truyền là một lĩnh vực công tác luôn được Đảng và Nhà nước quan tâm đặc biệt, nhằm tạo ra nhận thức đầy đủ, đúng đắn trong Đảng, trong quần chúng nhân dân và quốc tế trong việc giải quyết vấn đề tranh chấp liên quan giữa Việt Nam và các nước trong khu vực trên Biển Đông, đặc biệt là tranh chấp chủ quyền giữa Việt

Nam và Trung Quốc đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Tư tưởng chỉ đạo, phương châm, nội dung ứng xử và công tác truyền truyền đã được Đảng chỉ rõ: Chúng ta luôn nhận thức rõ, đầy đủ: Trung Quốc là nước lớn, có vị trí, vai trò và ảnh hưởng to lớn, quan trọng về chính trị, kinh tế, an ninh trên thế giới, đặc biệt là ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Việc xây dựng và phát triển quan hệ hữu nghị với Trung Quốc cần dựa trên các nguyên tắc của luật pháp quốc tế, Hiến chương Liên hợp quốc và các thỏa thuận đạt được giữa lãnh đạo cao cấp hai nước. Quyết tâm chính trị của Đảng và Nhà nước là thúc đẩy, nâng quan hệ hai nước lên tầm đối tác hợp tác chiến lược toàn diện.

Việc xây dựng và không ngừng củng cố sự tin cậy giữa lãnh đạo và nhân dân hai nước, phát huy những điểm tương đồng, quan hệ hữu nghị truyền thống là tư tưởng nhất quán, là nguyên tắc cao nhất để giải quyết và xử lý những điểm bất đồng. Mặt khác, cũng cần cảnh giác, tính toán, có đối sách chủ động, thích hợp, để giải quyết có hiệu quả những mặt không thuận lợi, kể cả những tình huống căng thẳng, phức tạp, bất thường có thể xảy ra trong quan hệ hai nước, nhất là những bất đồng, tranh chấp trên Biển Đông.

Thúc đẩy xu hướng hữu nghị, hợp tác, tin cậy lẫn nhau trở thành dòng chảy chính trong thông tin, truyền truyền về quan hệ hai nước. Kiên trì, bình tĩnh đấu tranh với những hành động sai trái của Trung Quốc, kết hợp thỏa đáng, khéo léo giữa hợp tác và đấu tranh, giữa ngoại giao và truyền truyền, tuyệt đối không làm đổ vỡ quan hệ giữa hai nước, không làm ảnh hưởng đến quan hệ giữa nước ta với các đối tác khác.

Huy động sức mạnh của dân tộc kết hợp với sức mạnh đoàn kết quốc tế trong truyền truyền bảo vệ hòa bình, bảo đảm an ninh trong khu vực; bảo vệ chủ quyền, toàn vẹn

lãnh thổ của Tổ quốc, phát triển đất nước giàu mạnh, phồn vinh.

Tĩnh táo, cảnh giác phòng ngừa tư tưởng dân tộc cực đoan; đấu tranh không khoan nhượng với các quan điểm, luận điệu sai trái của các thế lực cơ hội, phản động, thù địch, nhất là âm mưu lừa gạt, lôi kéo quần chúng để chia rẽ quan hệ hữu nghị giữa hai nước.

Việt Nam chủ trương giải quyết các tranh chấp liên quan Biển Đông, trong đó có tranh chấp chủ quyền đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa bằng các biện pháp hòa bình phù hợp với pháp luật quốc tế và Hiến chương Liên hợp quốc. Tranh chấp chủ quyền đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa cần được giải quyết giữa các bên liên quan trực tiếp đến các tranh chấp này, cụ thể là: tranh chấp về quần đảo Hoàng Sa giải quyết giữa Việt Nam và Trung Quốc, nếu hai nước không giải quyết được thì không loại trừ việc đưa ra tòa án quốc tế giải quyết; còn tranh chấp về chủ quyền đối với Trường Sa cần được giải quyết giữa các nước có liên quan như Việt Nam, Philippines, Trung Quốc, Malaysia (Brunei không nêu yêu sách về chủ quyền các đảo).

Việt Nam lên án và phản đối kịch liệt yêu sách “đường lưỡi bò” (các cách gọi khác là: đường chín đoạn hoặc đường chữ U) ở Biển Đông mà phía Trung Quốc chính thức đưa ra tháng 5 năm 2009 khi Phái đoàn thường trực Trung Quốc tại Liên Hợp quốc gởi công hàm phản đối việc Việt Nam nộp các Báo cáo quốc gia về ranh giới ngoài thêm lục địa của Việt Nam. Việt Nam khẳng định rằng, yêu sách này của Trung Quốc đòi khoảng 80% diện tích Biển Đông hoàn toàn không có cơ sở pháp lý và lịch sử, là phi lý. Cụ thể là:

- Trái với Công ước Luật Biển năm 1982 mà Trung Quốc là một bên tham gia; vùng biển mà “đường lưỡi bò” bao trùm không thể là lãnh hải hay vùng đặc quyền kinh tế hay thêm lục địa của Trung Quốc;

- Các văn bản pháp luật về biển của Trung Quốc không đề cập tới yêu sách này;

- Thực tiễn các quốc gia ven Biển Đông cũng như các quốc gia ngoài khu vực phủ nhận yêu sách này;

- Xâm phạm vào vùng đặc quyền kinh tế và thêm lục địa của năm nước là Việt Nam, Philippines, Indonesia, Malaysia và Brunei.

Việt Nam không chấp nhận “Gác tranh chấp, cùng khai thác” trên thêm lục địa và vùng đặc quyền kinh tế 200 hải lý của Việt Nam, nếu ở khu vực cụ thể đó không có sự chồng lấn với thêm lục địa và vùng đặc quyền kinh tế của nước khác. Nếu vùng đặc quyền kinh tế và thêm lục địa của nước ngoài chồng lấn với vùng đặc quyền kinh tế và thêm lục địa của Việt Nam thì Việt Nam có thể cùng các nước hữu quan xem xét bàn bạc giải pháp tạm thời là cùng khai thác. Việt Nam và Malaysia có khu vực thêm lục địa chồng lấn, hiện nay hai bên đã thỏa thuận cùng nhau khai thác dầu khí ở đó (và sau này sẽ phân định dứt điểm ranh giới biển).

Về hoạt động đánh cá của ngư dân Việt Nam ở Hoàng Sa, Việt Nam khẳng định hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa hoàn toàn thuộc chủ quyền của Việt Nam. Từ lâu ngư dân Việt Nam vẫn hoạt động đánh bắt cá bình thường tại khu vực quần đảo Hoàng Sa. Việt Nam đấu tranh kiên quyết yêu cầu phía Trung Quốc tôn trọng chủ quyền của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa, thả vô điều kiện tàu cá và ngư dân Việt Nam, tuân thủ nhận thức chung là không làm phức tạp thêm tình hình Biển Đông.

Xây dựng lực lượng

Quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh trong bảo vệ chủ quyền biển đảo là "...cần phải xây dựng một nền quốc phòng toàn dân, toàn diện, trong đó Hải quân nhân dân là lực lượng nòng cốt" (16). Để bảo vệ chủ quyền biển đảo của Tổ quốc, mặc dù còn nhiều khó khăn nhưng trong thời gian qua Đảng, Nhà nước đã tập trung xây dựng lực lượng về mọi mặt.

- Xây dựng các lực lượng làm nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền biển, đảo, thêm lực địa của Tổ quốc vững mạnh toàn diện theo hướng cách mạng, chính quy, tinh nhuệ và hiện đại; nòng cốt là Hải quân nhân dân Việt Nam, Cảnh sát biển Việt Nam, Bộ đội Biên phòng, Dân quân tự vệ biển và lực lượng Kiểm ngư vững mạnh.

Về xây dựng Hải quân nhân dân Việt Nam: Sau năm 1975, lực lượng Hải quân được tổ chức lại, phù hợp với nhiệm vụ bảo vệ vùng biển, đảo. Hình thành các đơn vị Hải quân đánh bộ (Lữ đoàn 126), tổ chức các đơn vị phòng thủ đảo. Trong thời kỳ đổi mới, Hải quân Việt Nam được nâng cấp và hiện đại hóa. Ngày 26-10-1975, Bộ Quốc phòng ra Quyết định số 141/QĐ-QP thành lập 5 vùng duyên hải thuộc Bộ Tư lệnh hải quân, đến ngày 14-1-2011, Bộ Quốc phòng ra Quyết định nâng cấp Bộ Chỉ huy Vùng Hải quân lên thành Bộ Tư lệnh Vùng Hải quân.

Ngày 23-6-1979, thành lập Tiểu đoàn Tên lửa 679 trực thuộc Bộ Tư lệnh Hải quân (nay là Lữ đoàn 679; đến ngày 3-7-2013, thành lập Lữ đoàn Không quân hải quân 954, hình thành lực lượng không quân hải quân đầu tiên.

Hiện đại hóa lực lượng hải quân nhằm tăng cường khả năng phòng thủ vùng biển đảo, trang bị cho lực lượng hải quân các phương tiện kỹ thuật hiện đại như tàu ngầm để tăng cường khả năng phòng thủ; trang bị

tàu cao tốc để kiểm soát và bảo vệ chủ quyền trên biển. Đến nay, Hải quân Việt Nam được trang bị nhiều phương tiện hiện đại với 6 tàu ngầm; 9 tàu frigate; 14 tàu corvette; 65 tàu tuần tra; 6 đổ bộ; 8 tàu quét mìn, 1 tàu huấn luyện; 11 tàu phụ trợ (17).

Xây dựng các lực lượng chấp pháp trên biển như kiểm ngư, cảnh sát biển mạnh để vừa quản lý vùng biển và vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam, vừa hỗ trợ ngư dân hoạt động kinh tế trên biển. Ngày 31-8-1998, lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam làm lễ ra mắt. Đến tháng 11-2008, lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam trở thành một lực lượng độc lập với Hải quân nhân dân Việt Nam.

Ngày 25-1-2013, Kiểm ngư Việt Nam là một lực lượng chuyên trách thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được thành lập theo Nghị định số 102/2012NĐ-CP của Chính phủ Việt Nam, thực hiện chức năng tuần tra, kiểm tra, kiểm soát, phát hiện, xử lý vi phạm pháp luật và thanh tra chuyên ngành thủy sản trên các vùng biển Việt Nam.

- Phát huy vai trò của cộng đồng ngư dân trong sự nghiệp đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển đảo bằng cách xây dựng "thế trận lòng dân", khơi dậy truyền thống và sự tinh thông nghề nghiệp, đức tính cần cù lao động, chịu đựng gian khổ, tìm tòi, học hỏi, tiết kiệm; có tinh thần đoàn kết nội bộ; có bản lĩnh trong cuộc sống, có truyền thống gắn bó keo sơn, đoàn kết, trung thành, trọng lễ phải của họ trong phát triển kinh tế và kết hợp với bảo vệ chủ quyền quốc gia trên biển hiện nay.

*

Có thể nói rằng, từ sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, đất nước thống nhất, Việt Nam đã thực hiện quản lý Nhà nước, thực thi chủ quyền đối với biển đảo và hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa theo thông lệ và luật pháp quốc

tế. Bằng đường lối và phương thức phù hợp, Việt Nam kiên trì đấu tranh khẳng định và bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán đối với biển đảo, thêm lục địa, đặc biệt khẳng định chủ quyền đối với hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa. Đồng thời, với đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, không

dựa vào nước này để chống lại hoặc làm đối trọng với nước kia, Việt Nam quan tâm và sẵn sàng tham gia vào mọi cố gắng song phương và đa phương duy trì hòa bình, ổn định ở Biển Đông, trên cơ sở tôn trọng luật pháp quốc tế và lợi ích chính đáng của các bên có liên quan.

CHÚ THÍCH

(1). Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, khóa thứ nhất, Hồ sơ số 1, Văn phòng Quốc hội.

(2). Chính phủ, Tuyên bố của Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về lãnh hải, vùng tiếp giáp, vùng đặc quyền kinh tế và thêm lục địa của Việt Nam ngày 12-5-1977, Hà Nội.

(3). Phát biểu của Thủ tướng Chính phủ tại kỳ họp thứ 2, Quốc hội khóa XIII, ngày 25-11-2011. Nguồn: *VTC News*, cập nhật, 25-11-2011.

(4). Phát biểu của Thủ tướng Chính phủ tại kỳ họp thứ 2, Quốc hội khóa XIII, ngày 25-11-2011, tldd.

(5). Quốc hội, *Luật Biển Việt Nam*, Nxb. Chính trị Quốc gia- Sự thật, Hà Nội, 2012, tr.7.

(6). Đảng Cộng sản Việt Nam, Nghị quyết số 36-NQ/TW về “Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”, Hà Nội, 2018.

(7). Đảng Cộng sản Việt Nam, Nghị quyết số 36-NQ/TW về “Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”, tldd.

(8). Tuyên bố của Bộ Ngoại giao Trung Quốc về yêu sách chủ quyền đối với hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa và 80% diện tích Biển Đông, Nguồn: Trương Minh Đức, *Chủ quyền quốc gia Việt Nam tại hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa qua tư liệu trong nước và nước ngoài*, Nxb. Thông tin và Truyền thông, Hà Nội, 2015, tr. 238.

(9). Công hàm Trung Quốc gửi cho Tổng Thư ký Liên hợp quốc phản đối Việt Nam nộp Báo cáo quốc gia về ranh giới ngoài thêm lục địa cho Ủy ban Ranh giới thêm lục địa, ngày 7-5-2009. Xem tại: <http://www.bienphong.com.vn>, cập nhật Thứ Ba, 10-6-2014 15:10 GMT+7.

(10). Dẫn theo *VnExpress*, thứ Sáu, ngày 16-11-2011.

(11), (12), (13). Phát biểu của Thủ tướng Chính phủ tại kỳ họp thứ 2, Quốc hội khóa XIII, ngày 25-11-2011.

(14). Phát biểu của Thủ tướng Chính phủ tại kỳ họp thứ 2 Quốc hội khóa XIII, ngày 25-11-2011, Tldd.

(15). Bộ Ngoại giao: “*Một số vấn đề liên quan đến Biển Đông*”, In trong *Thông tin nội bộ* (bản tin của Ban Tuyên giáo Thành ủy Đà Nẵng), tháng 11-2011, tr. 58 - 62.

(16). *Lịch sử Hải quân nhân dân Việt Nam*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1985, tr. 70, 71.

(17). Quân chủng Hải quân (hay Hải quân nhân dân Việt Nam) thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam.

[https://vi.wikipedia.org/wiki/Qu%C3%A2n_ch%E1%BB%7ng_H%E1%BA%A3i_qu%C3%A2n,_Qu%C3%A2n_%](https://vi.wikipedia.org/wiki/Qu%C3%A2n_ch%E1%BB%7ng_H%E1%BA%A3i_qu%C3%A2n,_Qu%C3%A2n_%C3%A2n_%)